

Số: 2889 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 06 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Đề án Chuyển đổi nghề khai thác thủy sản
trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 2333/SNN-KT ngày 26/8/2022, Văn bản số 1941/SNN-KT ngày 26/7/2022 và Tờ trình số 73/TTr-SNN ngày 10/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Chuyển đổi nghề khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản trên cơ sở nguồn lợi thủy sản và thực trạng đội tàu khai thác thủy sản trên địa bàn thành phố; xây dựng cơ cấu nghề khai thác, phân bổ hạn ngạch khai thác phù hợp; từng bước giảm thiểu, chấm dứt các nghề cấm, nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản, chuyển đổi các nghề xâm hại lớn đến nguồn lợi thủy sản, sử dụng nhiều nhiên liệu sang các nghề thân thiện với môi trường và nguồn lợi thủy sản.

2. Tổ chức lại hoạt động khai thác thủy sản ở vùng lộng, vùng bờ phù hợp, đảm bảo sinh kế của ngư dân; gắn với bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, sản xuất theo chuỗi giá trị; cung cấp, đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất trong khai thác thủy sản; tuân thủ các quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định.

3. Chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản phải gắn với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững; phù hợp với Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, kinh tế thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KHAI THÁC THỦY SẢN

1. Mục tiêu chung

Phát triển sản xuất khai thác thủy sản theo hướng hiện đại, bền vững; hạn ngạch khai thác và cơ cấu nghề phù hợp với trữ lượng nguồn lợi thủy sản; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả, sản phẩm có giá trị gia tăng cao; gắn khai thác với phát triển nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường tự nhiên và đảm bảo sinh kế cho ngư dân; góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ vững độc lập, chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Tốc độ tăng trưởng giá trị khai thác thủy sản bình quân 3,18%/năm. Đến năm 2025, giá trị khai thác thủy sản chiếm 54% tổng giá trị sản xuất thủy sản; sản lượng khai thác thủy sản đạt trên 120.000 tấn, chiếm 60% tổng sản lượng thủy sản.

- 100% tàu cá đăng ký tại Hải Phòng có chiều dài lớn nhất từ 06 mét trở lên đủ điều kiện hoạt động theo quy định của pháp luật; thực hiện thống kê, quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét theo quy định.

- Tổng số tàu cá được cấp Giấy phép khai thác thủy sản ở vùng lộng và vùng ven bờ là 824 tàu cá; trong đó: 426 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động ở vùng lộng và 398 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét hoạt động ở vùng ven bờ.

- Tổ chức sản xuất trên biển theo-mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác và mô hình đồng quản lý vùng ven bờ.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUYỂN ĐỔI NGHỀ TRONG KHAI THÁC THỦY SẢN ĐẾN NĂM 2025

1. Quản lý tàu cá

- a) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động ở vùng khơi: Số lượng theo phân bổ hạn ngạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 15 mét hoạt động ở vùng lộng và vùng ven bờ: Số lượng tàu cá được cấp giấy phép khai thác thủy sản là 824 tàu cá, trong đó:

- Vùng lộng 426 tàu cá với cơ cấu nghề: lưới kéo 25,12%, lưới rê 18,78%, lưới chụp 7,51%, câu 26,53%, hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản 9,62%, nghề khác 12,44%.

- Vùng ven bờ 398 tàu cá với cơ cấu nghề: lưới rê 41,21%, câu 1,26%, hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản 6,78%, nghề khác 50,75%.

c) Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét: Thực hiện thống kê để phục vụ công tác quản lý theo quy định.

d) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về thủy sản; kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị theo quy định; hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, các lực lượng liên quan trên địa bàn thành phố và phối hợp với các địa phương thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về thủy sản.

đ) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thi hành Luật Thủy sản và các văn bản quy phạm pháp luật về thủy sản. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong khai thác thủy sản theo quy định, đặc biệt là các hành vi vi phạm về vùng khai thác, nghề cấm khai thác, lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, tàu cá không đăng ký, không đăng kiểm, vi phạm IUU... Rà soát, đề nghị điều chỉnh và bổ sung các quy định pháp luật còn thiếu.

2. Chuyển đổi nghề trong khai thác thủy sản

Đến năm 2025, thực hiện chuyển đổi nghề 341 tàu cá đang hoạt động ở vùng ven bờ và vùng lộng, cụ thể:

a) Chuyển 96 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét đang hoạt động các nghề: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lò dây, bát quái, dón, lù), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy; xăm; chấn; xiệp; xịch; te, xéo kết hợp với tàu có gắn động cơ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng ven bờ sang hoạt động các nghề ngoài khai thác thủy sản.

b) Chuyển 192 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét đang hoạt động các nghề: lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), lồng xếp (lò dây, bát quái, dón, lù), nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực); đáy; xăm; chấn; xiệp; xịch; te, xéo kết hợp với tàu có gắn động cơ; nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông) ở vùng ven bờ sang các nghề không cấm theo quy định pháp luật ở vùng ven bờ và vùng lộng trong phạm vi hạn ngạch cho phép.

c) Khuyến khích chuyển 53 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét đang hoạt động nghề lưới chụp, lồng bát quái ở vùng lộng sang các nghề không cấm theo quy định pháp luật ở vùng lộng trong phạm vi hạn ngạch cho phép.

3. Tổ chức sản xuất trên biển

Tổ chức sản xuất trên biển theo mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác và mô hình đồng quản lý vùng ven bờ; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào khai thác thủy sản ở vùng biển xa bờ; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đổi mới công nghệ, áp dụng các phương pháp đánh bắt tiên tiến, trang thiết bị hiện đại để khai thác có chọn lọc kết hợp với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

4. Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

Xây dựng và phát triển các khu bảo tồn biển, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; quan tâm công tác điều tra, đánh giá nguồn lợi, môi trường sống của các loại thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm; xây dựng và phát triển các mô hình đồng quản lý, mô hình liên kết tổ chức sản xuất, tiêu thụ và du lịch trong nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

5. Xây dựng chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề

Nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách hỗ trợ ngư dân chuyển đổi nghề khai thác thủy sản: hỗ trợ giải bản tàu cá, hỗ trợ chuyển đổi ngư cụ, phương thức khai thác thủy sản...

6. Đào tạo, tập huấn

Tăng cường đào tạo, cấp văn bằng, chứng chỉ cho ngư dân tham gia khai thác thủy sản theo quy định: thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên. Tập huấn, bồi dưỡng cho ngư dân thực hiện chuyển đổi nghề trong nội ngành khai thác thủy sản.

Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, hỗ trợ ngư dân lựa chọn các ngành nghề phù hợp, hiệu quả, mang tính bền vững, thu hút nhiều lao động tại địa phương vào làm việc; kết nối giữa doanh nghiệp, cơ sở đào tạo nghề, ngư dân trong thành phố để đào tạo, bố trí việc làm phù hợp.

7. Giải pháp về khoa học và công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước về thủy sản, điều tra, đánh giá nguồn lợi và hoạt động của tàu cá nhằm bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống của các loài thủy sinh trên các vùng biển. Nghiên cứu, ứng dụng và hoàn thiện quy trình công nghệ khai thác, bảo quản sản phẩm trên tàu cá theo hướng cơ giới hóa, hiện đại hóa cho từng nghề khai thác, đảm bảo nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch, tăng hiệu quả kinh tế.

8. Công tác chỉ đạo, tuyên truyền

Các cơ quan, đơn vị, địa phương đẩy mạnh công tác chỉ đạo, phổ biến nội dung của Đề án đến các tổ chức, cá nhân liên quan thấy được trách nhiệm của mình trong triển khai thực hiện Đề án; thực hiện tuyên truyền, vận động bằng hình thức phù hợp nhằm tạo đồng thuận và sự hưởng ứng tích cực của ngư dân trong việc thực hiện Đề án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Đề án; tham mưu phân bổ hạn ngạch giấy phép khai thác thủy sản vùng ven bờ và vùng lộng trên địa bàn thành phố Hải Phòng; tham mưu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề khai thác thủy sản cho ngư dân; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Đề án, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan bố trí kinh phí thực hiện Đề án; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí và thực hiện quyết toán theo quy định.

4. Sở Tư pháp phối hợp, hướng dẫn Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có liên quan theo quy định.

5. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp triển khai hoạt động tư vấn, hỗ trợ ngư dân lựa chọn ngành, nghề và lựa chọn cơ sở đào tạo phù hợp khi chuyển đổi nghề khai thác thủy sản; tổ chức kết nối, giới thiệu việc làm cho ngư dân sau đào tạo.

6. Các Sở, ngành thành phố phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

7. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn phù hợp với điều kiện của địa phương; rà soát, xác định rõ nhu cầu chuyển đổi nghề khai thác thủy sản trên địa bàn; hướng dẫn thành lập và quản lý các mô hình tổ chức sản xuất, mô hình đồng quản lý theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác quản lý tàu cá; thực hiện quản lý nhà nước về khai thác thủy sản theo thẩm quyền; chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã thực hiện việc thống kê, theo dõi, quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 06 mét theo quy định.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động ngư dân trên địa bàn về nội dung của Đề



án và các quy định liên quan đến chính sách cắt giảm số lượng tàu khai thác trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tư pháp, Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, quận; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./. ✓

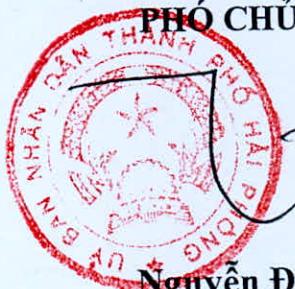
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
 - Tổng cục Thủy sản;
 - CT, các PCT UBND TP;
 - Các Sở, ban, ngành TP;
 - CVP, các PCVP;
 - Phòng: NNTNMT, TC-NS, NC&KTGS;
 - CV: TL, NN;
 - Lưu: VT.
- ✓

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

